Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 08.11.2019 07:36:56 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 405 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình phát triển Khu công nghiệp và Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Thực hiện nội dung Công văn số 6639/BKHĐT-QLKKT ngày 13/9/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng báo cáo phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

I. Đánh giá đóng góp của các KKT, KCN vào phát triển kinh tế xã hội

Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hiện có 07 KCN nằm trong quy hoạch KCN Việt Nam và 02 Khu kinh tế cửa khẩu (Mộc Bài và Xa Mát). Các doanh nghiệp trong KCN, KKT sản xuất kinh doanh ổn định và tăng trưởng, đóng góp tích cực vào nền kinh tế của tỉnh.

1. Thu hút đầu tư:

Lũy kế đến nay, tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh Tây Ninh có 339 dự án đầu tư còn hiệu lực (247 dự án FDI, 92 dự án trong nước) với tổng vốn đầu tư đăng ký 6.215,69 triệu USD và 15.871,44 tỷ đồng. Có 238 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng diện tích đất tự nhiên là 3.958,24 ha. Trong đó, có 05 KCN đã được cấp phép thành lập và đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích đất được duyệt là 3.384,43 ha, diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 2.380,33 ha. Quá trình thu hút đầu tư đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2 Giải quyết lao động:

Đến nay, các doanh nghiệp trong các KCN, KKT tỉnh Tây Ninh thu hút 119.326 lao động, trong đó 2.721 lao động nước ngoài.

Số lao động trung bình giải quyết hằng năm khoảng 6.000 người. Tuy nhiên,vào năm 2014, 2015 số lao động tăng mạnh do các doanh nghiệp trong KCN Phước Đông đi vào hoạt động.

Việc phát triển KKT, KCN đã góp phần rất lớn về giải quyết bài toán về vấn đề lao động tại địa phương. Trước đây, phần lớn lao động tại địa phương có nguồn gốc xuất thân từ bộ đội xuất ngũ hoặc nông dân. Từ khi thành lập KCN, một số doanh nghiệp phải tự đào tạo người lao động để đáp ứng nhu cầu làm việc tại công ty, giúp người lao

động dễ dàng tiếp cận được với công việc và thay đổi lựa chọn công việc, tập trung vào làm việc tại các KCN.

Khu công nghiệp là nơi tập trung nhiều lao động có chuyên môn kỹ thuật với công nghệ hiện đại. Do đó, đóng góp rất lớn vào đào tạo nguồn nhân lực để hình hình đội ngũ lao động tiên tiến. Với sự phát triển ngày càng tăng của xã hội, để đảm bảo việc không bị tuột hậu về tri thức, việc làm, nhiều cơ sở dạy nghề, trường dạy nghề ra đời đã giải quyết được tình trạng thiếu lao động kỹ thuật hiện nay, thậm chí còn tạo ra sức cạnh tranh để người lao động không ngừng nâng cao trình độ, tay nghề của bản thân.

3. Đóng góp cho NSNN của các doanh nghiệp trong KCN, KKTCK qua các năm:

3.1. Cơ quan Hải quan thu:

Năm 2005: 21 tỷ đồng; Năm 2010: 67 tỷ đồng; Năm 2015: 581,23 tỷ đồng; Năm 2016: 333,8 tỷ đồng; Năm 2017: 468,08 tỷ đồng; Năm 2018: 400,19 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm 2019: 414 tỷ đồng.

3.2. Cơ quan thuế thu:

Năm 2005: 625 triệu đồng; Năm 2010: 124,76 tỷ đồng; Năm 2015: 499,79 tỷ đồng; Năm 2016: 553,92 tỷ đồng; Năm 2017: 617,27 tỷ đồng; Năm 2018: 497,75 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm 2019: 420,54 tỷ đồng.

4. Kim ngạch xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp trong KCN, KKTCK qua các năm:

4.1.Kim ngạch nhập khẩu:

Năm 2005: 45,47 triệu USD; Năm 2010: 246,17 triệu USD; Năm 2015: 1.388,48 triệu USD; Năm 2016: 1.487,56 triệu USD; Năm 2017: 2.124,74 triệu USD; Năm 2018: 2.745,16 triệu USD; 6 tháng đầu năm 2019: 1.819,16 triệu USD.

4.1.Kim ngạch xuất khẩu:

Năm 2005: 38,46 triệu USD; Năm 2010: 347,64 triệu USD; Năm 2015: 1.724,4 triệu USD; Năm 2016: 2.175,58 triệu USD; Năm 2017: 2.684,72 triệu USD; Năm 2018: 3.425,78 triệu USD; 6 tháng đầu năm 2019: 2.038,47 triệu USD.

5. Giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp trong KCN, KKT:

Năm 2010: 8.040 tỷ đồng; Năm 2015: 25.441 tỷ đồng; Năm 2016: 32.469 tỷ đồng; Năm 2017: 41.341 tỷ đồng; Năm 2018: 50.662 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm 2019: 27.903 tỷ đồng.

II. Đánh giá một số nội dung cụ thể trong phát triển KKT, KCN:

1. Tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh.

1.1. Chức năng nhiệm vụ, số lượng phòng ban, đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh:

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh được thành lập trên cơ sở hợp nhất các Ban Quản lý (*Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Ban Quản lý Khu kinh tế*

cửa khẩu Xa Mát, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tây Ninh) theo Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 11/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 3/9/2015 giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh. Theo đó, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các KCN, KKTCK trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho nhà đầu tư trong KCN, KKTCK theo. Số lượng phòng ban, đơn vị sự nghiệp của Ban Quản lý gồm: Văn phòng, Phòng Quản lý Đầu tư, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng, Phòng Quản lý Lao động và Ban Quản lý Cửa khẩu quốc tế tỉnh Tây Ninh.

Số lượng người làm việc tại Ban quản lý Khu kinh tế gồm: 42 biên chế công chức và 05 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000. Tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban: gồm 37 người (được giao là 15 định biên, đã sử dụng hết 12 định biên; chưa tính trường hợp Trưởng cửa khẩu kiêm nhiệm); hợp đồng theo Nghị định 68: 09 hợp đồng; hợp đồng theo Luật Lao động: 16 hợp đồng.

1.2. Việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế với các Sở, ngành, huyện và đánh giá việc thực hiện:

a. Việc ban hành các quy chế phối hợp:

- UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 01/2019/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 quy chế phối hợp thực hiện TTHC về đất đai trong Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b. Đánh giá việc thực hiện quy chế phối hợp:

- Việc phối hợp thực hiện theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 đã bộc lộ nhiều bất cập, chưa thật sự phát huy hiệu quả như mong muốn trong công tác phối hợp, chưa có kế hoạch kiểm tra chung giữa các ngành với nhau để thông qua cơ quan đầu mối là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh nhằm để hạn chế cho việc một doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra nhiều lần trong năm. Khi tiến hành kiểm tra các doanh nghiệp trong KCN, KKT thì các ngành viện dẫn văn bản pháp lý đặc thù riêng của từng ngành để thực hiện kiểm tra, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chỉ tham gia kiểm tra với từng ngành với tư cách là thành viên và chỉ phối hợp đối với những công việc phát sinh. Do đó việc thực hiện quy chế phối hợp trong thời gian qua chưa phát huy được hiệu quả cao nhất. cơ sở pháp lý để ban hành Quy chế này là Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ; Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày

14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Do đó, Ban Quản lý Khu kinh tế đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 về việc bãi bỏ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2015.

-Việc thực hiện quy chế phối hợp thực hiện TTHC về đất đai trong Khu kinh tế theo Quyết định 01/2019/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 nhìn chung đến nay đã mang lại hiệu quả cao tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

1.3.Việc tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công "một cửa tại chỗ" của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh:

Ban Quản lý Khu kinh tế đã trình UBND tỉnh Tây Ninh ban hành đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý, thực hiện việc rà soát, công bố lại bộ TTHC khi có sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với một số TTHC có thủ tục đơn giản, phát sinh nhiều hồ sơ trong thực tế. Tuy nhiên, từ khi bắt đầu triển khai không phát sinh hồ sơ nào được doanh nghiệp nộp qua mạng. Nguyên nhân là do doanh nghiệp thường lựa chọn hình thức nộp trực tiếp, kết hợp với việc lấy kết quả TTHC tại Ban Quản lý để làm thành phần hồ sơ TTHC thực hiện tại cơ quan khác...

1.4. Đánh giá, so sánh hiệu quả của mô hình " một cửa, tại chỗ" của Ban Quản lý Khu kinh tế với mô hình trung tâm hành chính công tại tỉnh Tây Ninh

Từ khi Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế có hiệu lực, Ban Quản lý đã xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, trong việc tiếp tục thực hiện mô hình "một cửa tại chỗ" theo Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 hay thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018. Theo đó, UBND tỉnh Tây Ninh đã đồng ý cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh thực hiện mô hình "một cửa tại chỗ". Tuy nhiên, công chức tại bộ phận một cửa tại chỗ không có phụ cấp như mô hình trung tâm hành chính công. Ngoài ra, việc thực hiện một cửa tại chỗ sẽ không đánh giá được việc thực hiện giải quyết từng TTHC và không thuận lợi trong việc lấy ý kiến khảo sát của cá nhân, tổ chức trong việc giải quyết TTHC tại Ban Quản lý. Từ những lý do nêu trên, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh đã có văn bản xin chủ trương đưa TTHC vào thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Từ ngày 01/08/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh đã chuyển sang thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh Tây Ninh.

1.5. Về chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh đã được phân cấp, ủy quyền:

a. Lĩnh vực đầu tư: thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giãn tiến độ thực hiện dự án, tạm ngưng hoạt động, hiệu đính thông tin giấy CNĐKĐT theo quy định tại Luật Đầu tư 2014, Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

b. Lĩnh vực thương mại: đã được Bộ Công thương ủy quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi khu vực Asean (C/O mẫu D); thực hiện thủ tục Cấp, cấp

lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định pháp luật về thương mại;

c. Lĩnh vực môi trường: Đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trong KCN, KKT theo khoản 1, điều 11, Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d. Lĩnh vực lao động: được ủy quyền giải quyết các thủ tục về lao động theo Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 1/12/2014 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội

+ UBND tỉnh Tây Ninh uỷ quyền thực hiện tiếp nhận thoả ước lao động, đăng ký nội quy lao động, nhu cầu sử dụng lao động;

+ Sở Lao động Thương binh và Xã hội ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép lao động, thủ tục đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu công nghiệp hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện việc tiếp nhận hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

e. Lĩnh vực xây dựng:

+ Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong KCN, KCX, KKTCK đối với công trình cấp III trở xuống.

+ Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư nhóm B, C thuộc diện phải thẩm định trong KCN, KCX, KKTCK phân cấp đã được ủy quyền.

+ Thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với dự án thuộc diện phải thẩm định trong KCN, KCX, KKTCK được UBND tỉnh quy định phân cấp.

1.5. Đánh giá về tính ổn định của việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý:

- Triển khai thực hiện Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ trong đó có nội dung ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ lại không quy định ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác bảo vệ môi trường, điều này gây khó khăn trong công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa tại chỗ".

1.6. Đánh giá về việc tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu kinh tế:

Sau khi xây dựng đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý theo Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ thì đến nay tổ chức bộ máy hoạt động tương đối ổn định.Tuy nhiên, do Nghị định 82/2019/NĐ-CP chưa phải là khung pháp lý cao nhất nên một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý vẫn trong tình trạng bị một số Luật khác chi phối, gây khó

khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và bị động trong việc hướng dẫn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp khi đầu tư vào các KCN, KKT.

Bên cạnh đó, việc phân cấp, ủy quyền cho BQL còn bất cập, chưa thực sự nhất quán với pháp luật về KCN, KKT, đặc biệt là về cơ chế phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện chức năng "một cửa", việc ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên ngành về lao động, thương mại, xây dựng, môi trường đối với các hoạt động phát sinh trong KCN, KCX chưa được thực hiện triệt để, thống nhất do pháp luật chuyên ngành thường xuyên thay đổi. Ngoài ra, Ban Quản lý chưa có chức năng thanh tra nên việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật của các doanh nghiệp thiếu hiệu quả, làm hạn chế tính chủ động trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các KCN, KKT.

2. Về chính sách phát triển Khu công nghiệp, Khu kinh tế:

2.1.Tình hình thực hiện ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với KKT, KCN:

a. Các chính sách ưu đãi thuế áp dụng chung:

Chính sách ưu đãi thuế hiện hành áp dụng theo địa bàn và theo lĩnh vực. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, cụ thể:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp : thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu,thuế nhập khẩu.

- Ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: Theo Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao.

b. Các chính sách ưu đãi áp dụng riêng: không có

c. Tình hình hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

*** Tại các Khu công nghiệp:** không có.

*** Tại các Khu kinh tế cửa khẩu :**

STT	KKTCK	Vốn ngân sách (tỷ đồng)	Tổng cộng

		TW	Địa phương	(tỷ đồng)
1	Mộc Bài	151,31	66,97	218,28
2	Xa Mát	83,08	13,07	96,15

Ngoài ra, Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ dự án phát triển đô thị tiểu vùng sông Mêkông mở rộng (GMS) giữa 02 tỉnh Tây Ninh và Quảng Trị, tại KKTCK Mộc Bài được tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn do ADB tài trợ trên 40 triệu USD gồm các dự án : đầu tư một số tuyến đường theo quy hoạch KKTCK, nhà máy cấp nước, nhà máy xử lý nước thải, phân loại rác thải với kinh phí hơn 40 triệu USD. Tất cả các dự án đang triển khai thi công.

2.2. Đánh giá về việc thực hiện ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với KKT, KCN trên địa bàn:

Thời gian qua thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ đã góp phần thu hút được nhiều nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động và đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên giai đoạn hiện nay thực hiện chủ trương chung của Đảng và Nhà nước là thu hút đầu tư có chọn lọc, do đó tiêu chí đóng góp cho ngân sách là tiêu chí quan trọng, do đó cần nghiên cứu giảm thời gian hưởng ưu đãi về chính sách thuế, tiền thuê đất, đặc biệt là chính sách ưu đãi về thuế VAT đối với doanh nghiệp chế xuất.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế doanh nghiệp chế xuất:

a) Về thực trạng quản lý đối với DNCX trước và sau khi Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 có hiệu lực (01/9/2016):

- Tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005 quy định: *"Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh tho Việt Nam, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quan hệ mua hán, trao đổi hàng hóa giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu"*

- Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hướng dẫn về đối tượng không chịu thuế, quy định: *"Hàng hóa được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước. Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có quan hệ mua bán trao đôi hàng hóa giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu*

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, quy định:

- *"Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất được áp dụng quy định đối với khu phi*

thuế quan trừ ưu đãi riêng đốii với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu...

- Tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định: *"Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành ập theo quy định của pháp luật, cổ ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan*

* Ngoài ra, theo Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính *phủ* ban hành Nghị định quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (có hiệu lực ngày 10/07/2018 thay thế Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chê xuất và khu kinh tế...), thì:

- Tại khoản 10 Điều 2, quy định: *"Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Doanh nghiệp chế xuất không nằm trong khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định ập dụng đôi với khu phi thuế quan tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*

- Tại khoản 1 Điều 30, quy định: *"Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất được áp dụng quy định đối với khu vực hải quan riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng áp dụng đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu*

- Tại khoản 1 Điều 66 về Điều khoản chuyển tiếp, quy định: "Các *khu công nghiệp, khu kinh tế đã hoàn thành các thủ tục quy hoạch, đầu tư, thành lập theo quy định pháp luật trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định này thì không phải thực hiện thêm các thủ tục quy hoạch, đầu tư, thành lập theo quy định của Nghị định này*

Như vậy, theo các quy định trên thì DNCX được thành lập theo quy định pháp luật trước thời điểm trước thời điểm 10/7/2018 ngày có hiệu lực của Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ thì DNCX được tiếp tục áp dụng quy định đối với khu phi thuế quan, cơ quan hải quan căn cứ trên Giấy chứng nhận đang ký đầu tư để giải quyết thủ tục, chính sách thuế cho hàng hóa của DNCX là khu phi thuế quan.

b) Thực trạng công tác giám sát, quản lý đối với DNCX trên địa bàn trước và sau khi Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 có hiệu lực (01/9/2016):

Tình hình hoạt động của các DNCX thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh tương đối ổn định, các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, có tinh thần hợp tác với cơ quan Hải quan trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan.

* Về công tác giám sát, quản lý đối với DNCX:

Tại khoản khoản 3 Điều 74 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, quy định: "Cơ *quan hải quan quản lý khu chế xuất, DNCX chỉ giám sát trực tiếp tại cổng ra, vào của khu chế xuất, DNCX khi cần thiết theo quyết định của Cục trưởng Cục Hải quan* "

Tính đến ngày 05/06/2018 (thời điểm Thông tư số 39/2018/TT-BTC có hiệu lực đã bãi bỏ khoản 3 Điều 78 Thông tư số 38/2015/TT-BTC) Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh thực hiện quản lý đối với 49 DNCX đang hoạt động trên địa bàn (gồm Khu chế xuất &

công nghiệp Linh Trung 3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Khu công nghiệp Phước Đông và Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài). Toàn bộ DNCX đang hoạt động trên địa bàn đều không có cơ Cơ quan Hải quan thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Thông tư so 38/2015/TT- BTC.

*Về áp dụng chính sách, thủ tục hải quan đối với DNCX:

- Về thủ tục hải quan:

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu của DNCX thực hiện đăng ký tờ khai theo loại hình đúng với mục đích sừ dụng.

+ Đối với hàng hóa mua, bán giữa DNCX với DNCX (nếu chọn làm thủ tục hải quan) và giữa DNCX với doanh nghiệp nội địa thì thực hiện thủ tục hải quan theo thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính.

- Về áp dụng chính sách phi thuế quan:

+ Đối với DNCX được thành lập cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày 10/07/2018 thì căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của DNCX do cơ quan có thẩm quyền cấp để giải quyết cho hưởng Chính sách miễn thuế như khu phi thuế quan.

+ Các doanh nghiệp thành lập sau ngày 10/7/2018, để được giải quyết miễn thuế, trước khi thực hiện việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất, các doanh nghiệp hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chê xuất phải được cơ quan hải quan kiêm tra và xác nhận đáp ứng đủ điều kiện doanh nghiệp chế xuất thì mới áp dụng chính sách miễn thuế cho doanh nghiệp.

c. Hạn chế:

- Về đóng góp cho NSNN: Cơ chế ưu đãi về thuế tại khâu nhập khẩu đối với doanh nghiệp hoạt động theo loại hình chế xuất và doanh nghiệp hoạt động theo loại hình doanh nghiệp công nghiệp là có sự phân biệt. Theo đó, doanh nghiệp chế xuất không thuộc đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu trong khi doanh nghiệp công nghiệp phải thực hiện các nghĩa vụ thuế khi nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của dự án. Hiện nay, trên địa bàn quản lý có nhiều doanh nghiệp hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chê xuất có số lượng máy móc, thiết bị phục vụ dự án đầu tư là rất lớn, tuy nhiên số thuế đối với các máy móc, thiết bị nhập khẩu để phục vụ dự án của các doanh nghiệp này là không có do được hưởng chính sách ưu đãi về thuế. Do có sự phân biệt trong việc ưu đãi về chính sách thuế giữa loại hình doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp công nghiệp nên trong thời gian gần đây đối với các dự án đầu tư mới thì các doanh nghiệp nước ngoài thường lựa chọn hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất.

-Về thủ tục xác nhận điều kiện DNCX: Tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định: *"Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan hải quan có thẩm quyền về khả năng đáp ứng điều kiện, giám sát hải quan trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản cho nhà đầu tư"*, trong

khi chưa có quy định cụ thể về điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan, chưa quy định về thủ tục (về hồ sơ, điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan, thời hạn xử lý...).

3. Về quy hoạch KKT, KCN:

3.1. Quy hoạch Khu kinh tế:

a. KKTCK Mộc Bài:

*** Cơ sở pháp lý:** KKTCK Mộc Bài với diện tích 21.284 ha gồm 07 xã (Long Thuận, Tiên Thuận, Lợi Thuận, An Thạnh, Thị trấn Bến Cầu thuộc huyện Bến Cầu; các xã Phước Lưu, Bình Thạnh, Phước Chỉ thuộc huyện Trảng Bàng) được thành lập theo Quyết định số 210/1998/QĐ-TTg ngày 27/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài nằm trên tuyến Xuyên Á có một vị trí chiến lược quan trọng về địa kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của quốc gia và địa phương. Ngày 10 tháng 11 năm 2009 Thủ Tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1849/QĐ-TTg về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKTCK Mộc Bài đến năm 2020 với quy mô 21.284 ha. Ngày 27 tháng 5 năm 2011, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 1102/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Đô Thị mới Mộc Bài thuộc quy hoạch chung KKTCK Mộc Bài.

*** Đánh giá:** Dù đã thực hiện triển khai quy hoạch đã lâu nhưng Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài vẫn chưa phát triển ngang tầm với tiềm năng cũng như mong muốn của tỉnh trong nỗ lực xây dựng đô thị mới Mộc Bài tạo chỗ dựa kết nối với các nguồn lực kinh tế Xuyên Á, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài trong thời gian qua đã và đang gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế các nước trong khu vực và trên thế giới chưa thực sự phục hồi, vị trí KKTCK còn xa so với các Khu cảng và Trung tâm của thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu là nơi có các hoạt động thương mại công nghiệp năng động nhất cả nước, kết cấu hạ tầng kết nối KKTCK với các trung tâm của tỉnh và các vùng lân cận chưa hoàn chỉnh và chưa đồng bộ. Nguyên nhân chính là Quy hoạch các KKTCK xuất phát từ mong muốn của cơ quan quản lý, chủ yếu tập trung xây dựng khu phi thuế quan, bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch, thu hút đầu tư với tầm nhìn ngắn hạn, chủ yếu thụ hưởng chính sách ưu đãi đầu tư, chưa lôi cuốn được các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực kinh tế, ổn định, lâu dài; do sự thay đổi, thiếu đồng bộ về chính sách; Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, vốn ngân sách bố trí để xây dựng kết cấu hạ tầng đến chân hàng rào của nhà đầu tư hàng năm còn thấp; Năng lực tài chính của nhà đầu tư không tương xứng quy mô dự án; Nhu cầu thị trường hầu như là không có, nhà đầu tư không thấy triển vọng sau khi đầu tư hạ tầng có thể kinh doanh được.

b. KKTCK Xa Mát:

*** Cơ sở pháp lý:** KKTCK Xa Mát được thành lập theo Quyết định số 186/2003/QĐ-TTg ngày 11/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ với quy mô 34.197 ha, bao gồm địa giới hành chính của các xã Tân Lập và Tân Bình thuộc huyện Tân Biên , tỉnh Tây Ninh. Trong đó, có quy hoạch Khu Đô thị cửa khẩu Xa Mát 728 ha. Ngày 23 tháng 2 năm 2005 UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 130A/2005/QĐ-UB

V/v phê duyệt Quy hoạch chung KKTCK Xa Mát đến năm 2020 với quy mô 34.197 ha và Quyết định số 130/2005/QĐ-UB về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị cửa khẩu Xa Mát đến năm 2020 với quy mô 728 ha.

*** Đánh giá:**

- Quy hoạch Khu kinh tế quá lớn (34.197 ha), tính chất quy hoạch chưa phù hợp, diện tích đô thị công nghiệp nhiều, tính khả thi chưa cao; Việc tổ chức thực hiện quy hoạch Trung tâm đô thị Xa Mát thiếu nguồn lực.

- Các dự án đầu tư chậm triển khai do không triển khai công tác bồi thường được để thực hiện dự án:

+ Chính sách bồi thường đất vành đai biên giới trong khu vực cửa khẩu chưa có chính sách rõ ràng là bồi thường hay không bồi thường.

+ Việc chồng lấn ranh quy hoạch giữa đất rừng thuộc rừng Văn hóa Lịch sử Chàng Riệc và Dự án mở rộng quy mô Khu di tích lịch sử Văn Hóa Ban An ninh Trung ương Cục Miền Nam chưa được giải quyết triệt để.

Hiện nay Quy hoạch KKTCK Xa Mát đang trình phê duyệt điều chỉnh.

3.2. Tình hình quy hoạch các KCN:

*** Cơ sở pháp lý:**

- KCN Trảng Bàng được thành lập theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 09 tháng 2 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích là 190,76 ha. Địa điểm: Quốc lộ 22 xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt QHCT tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 1/9/2016 và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/8/2017.

- Khu Chế xuất và công nghiệp Linh Trung III được thành lập theo văn bản số 1645/CP-CN ngày 20/12/2002 của Chính phủ về việc đầu tư dự án KCN Linh Trung 3, với diện tích là diện tích 202,67 ha. Địa điểm: Quốc lộ 22 xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt QHCT tại Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 và Bộ Xây dựng phê duyệt QHCT tại Quyết định số 327/QĐ-BXD ngày 26/03/2003.

- Khu công nghiệp Thành Thành Công được thành lập theo công văn số 595/TTG-KTN ngày 23/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích là 760 ha. Địa điểm: xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung tại Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 và phê duyệt đồ án điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 05/07/2017.

- Khu công nghiệp Phước Đông – Bời Lời được thành lập theo Công văn số 595/TTG-KTN ngày 23/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích là 2.200 ha. Địa điểm:Đường tỉnh 782, Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đồ án điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 03/08/2016.

- Khu công nghiệp Chà Là được bổ sung thành lập tại công văn số 758/TTg-KKT ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích là 200 ha. Địa điểm: ấp Bình

Linh, xã, Chà Là, Dương Minh Châu, Tây Ninh; đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt QHCT tỷ lệ 1/500 giai đoạn 1 tại Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 và phê duyệt điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 giai đoạn 1 tại Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 03/08/2015.

*** Đánh giá:**

Hầu hết các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp cơ bản triển khai theo đúng tiến độ và quy hoạch đã được phê duyệt về cơ cấu sử dụng đất, phân bổ các khu vực chức năng(đường giao thông nội bộ, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, nước cấp, nước thải, điện, hệ thống thông tin liên lạc; nhà máy cung cấp nước sạch, nhà máy xử lý nước thải tập trung, hồ ứng phó sự cố môi trường); bố trí dự án theo ngành, nghề phân khu chức năng đã được phê duyệt.

4. Về thu hút đầu tư vào KKT, KCN

4.1 Tình hình thu hút đầu tư vào KKT, KCN

Tính đến 15/9/2019, trên địa bàn các KCN, KCX, KKTCK đã thu hút được 339 dự án (*bao gồm: 247 dự án FDI và 92 dự án trong nước)* với tổng vốn đầu tư đăng ký là 7.079,21 triệu USD (*bao gồm: 6.229,72 triệu USD và 15.935,23 tỷ đồng)*.

- Cơ cấu ngành nghề, đối tác đầu tư:

+ Cơ cấu ngành nghề: Các dự án đầu tư chủ yếu tập trung các lĩnh vực là sản xuất vải, sợi, giày dép, lốp xe, nhựa cao su...

+ Đối tác đầu tư: Tại địa bàn các KCN, KKT có 22 quốc gia và vùng lãnh thổ đến đầu tư. Trong đó, Trung Quốc là quốc gia đứng vị trí thứ nhất về nguồn vốn đầu tư với 57 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 2,69/7,08 tỷ USD, chiếm 38% tổng vốn đầu tư đăng ký, tiếp theo là các dự án đầu tư trong nước với 92 dự án, tổng vốn đăng ký 0,846/7,08 tỷ chiếm 12% tổng vốn đầu tư đăng ký của các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trên địa bàn KCN, KKT.

4.2 Đánh giá hiệu quả thu hút đầu tư vào KKT, KCN

a. Mặt được:

Việc hình thành các Khu công nghiệp thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tích cực vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá: Số lượng dự án ngày càng tăng, mức đóng góp của KCN chiếm tỷ trọng đáng kể trong tốc độ gia tăng của giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như dệt may, may mặc, giày dép,... Cụ thể: số lượng các dự án trên địa bàn trong các năm 2015: 267 dự án, năm 2016: 287 dự án, năm 2018: 327 dự án; 9 tháng đầu năm 2019: 339 dự án.

Các khu công nghiệp góp phần đáng kể vào giải quyết việc làm cho lực lượng lao động của địa phương, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân tại địa phương.

Phần lớn các dự án các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đã đi vào sản xuất ổn định, triển khai dự án đúng nội dung và tiến độ như giấy phép đầu tư, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước.

b. Hạn chế:

Chưa đa dạng hóa quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư : phần lớn các dự án đến từ các nước khu vực ASEAN, các nước khu vực Châu á : Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc; Chưa thu hút hút được những dự án có sử dụng công nghệ cao từ Hoa Kỳ, các nước Châu Âu.

5. Về công tác bảo vệ môi trường:

5.1. Đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06 Khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất và công nghiệp (KCX&CN): KCN Trảng Bàng, KCX&CN Linh Trung 3, KCN Thành Thành Công, KCN Phước Đông, KCN Chà Là, KCN TMTC thuộc KKTCK Mộc Bài và 02 khu kinh tế cửa khẩu (KKT): KKT cửa khẩu Mộc Bài, KKT cửa khẩu Xa Mát.

a. Tình hình xử lý nước thải

Đến nay, 06/6 KCN đã đầu tư xây dựng, vận hành công trình xử lý nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cột A. Việc lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục có 06/6 KCN và 09 doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối, tuy nhiên đến nay chưa có KCN hoàn chỉnh việc kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát, chỉ có 01 doanh nghiệp thực hiện kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b. Tình hình xử lý chất thải rắn

Việc đầu tư nhà máy xử lý và trạm trung chuyển: KCN Trảng Bàng có Nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại do Công ty CP Môi trường xanh VN làm chủ đầu tư, KCX&CN Linh Trung 3 đã xây dựng khu trung chuyển chất thải rắn do Công ty TNHH Môi trường Trời xanh làm chủ đầu tư và Công ty TNHH môi trường Vũ Hoàng tái chế chất thải nguy hại, KCN Phước Đông đã xây dựng khu trung chuyển chất thải rắn.

Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KKT cửa khẩu tự hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

c. Xử lý khí thải

Nguồn ô nhiễm khí thải do quá trình đốt nhiên liệu và vận hành lò hơi: loại khí thải này chủ yếu do các doanh nghiệp sản xuất với ngành nghề dệt nhuộm, may mặc, giặt, sản xuất sản phẩm từ cao su…có sử dụng lò hơi với nhiên liệu đốt là củi, than đá, dầu FO phát sinh bụi, SO_2, CO_2, CO, NOx, HF… Trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải tại nguồn, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

5.2. Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân

a. Kết quả đạt được

Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế đã chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ và kịp thời; qua đó nâng cao trách nhiệm trong phát triển kinh tế gắn bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững, tạo nên sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động của mọi doanh nghiệp trong KCN, KKT. Công tác quản lý nhà nước về môi trường đã từng bước

đi vào nề nếp.

Tăng cường công tác thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư trong KKC, KKT, tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường; ngăn chặn, kiểm soát và xử lý được chất thải rắn, chất thải nguy hại.

Công tác thanh tra, kiểm tra các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường đã được tăng cường, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Các KCN và doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối đi vào hoạt động đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt 100%, đã thực hiện lắp đặt quan trắc tự động nước thải liên tục. Các doanh nghiệp trong KCN, KKT đã thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải.

Về chất thải rắn và chất thải nguy hại: Việc thực hiện các quy định về xử lý chất thải rắn được hầu hết các doanh nghiệp nghiêm túc chấp hành. Đa số các doanh nghiệp trong KCN, KKT đã có biện pháp phân loại và lưu giữ tạm thời trước khi hợp đồng đơn vị chức năng thu gom đến nơi xử lý.

b. Hạn chế, nguyên nhân

Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường nước thải trong KCN, KKT hầu hết chưa xây dựng đầy đủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Việc các KCN kết nối dữ liệu thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường còn chậm.

Cơ sở hạ tầng một số KCN, KKT đã đầu tư xây dựng lâu hoặc chưa hoàn chỉnh do đó việc tách riêng biệt hệ thống thu gom nước mưa, nước thải chưa đảm bảo (KCN Trảng Bàng, KKT cửa khẩu Mộc Bài).Việc cho phép các doanh nghiệp trong phân khu dệt may có lượng nước thải phát sinh được phép xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A gây khó khăn trong công tác giám sát nước thải.

Các doanh nghiệp thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP chưa được thực hiện.

Thực hiện thoả thuận giá dịch vụ thoát nước trong KCN giữa các chủ đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp vẫn còn trường hợp chưa thống nhất theo quy định Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải.

6. Về phát triển hạ tầng phục vụ KKT, KCN:

Tính đến thời điểm hiện tại, tại các KCNcó các dự án đầu tư phát triển hạ tầng xã hội (Xây dựng ký túc xá cho công nhân) cụ thể:

- Khu Liên hợp Phước Đông – Bời Lời: có 06 dự án Ký túc xá công nhân và một dự án hạ tầng xã hội để bố trí tái định cư do công ty CP đầu tư VRG làm chủ đầu tư.

- Dự án hạ tầng xã hội để bố trí tái định cư do công ty CP đầu tư VRG làm Chủ đầu tư.

- Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội trong Khu dân cư - Tái định cư thuộc Khu công nghiệp Thành Thành Công: 01 dự án Ký túc xá công nhân.

- Dự án xây dựng Khu nhà ở công nhân KCX&CN Linh Trung III: có 03 dự án.

- Dự án xây dựng Khu nhà ở công nhân KCN Chà Là: có 01 dự án.

III. Đề xuất và kiến nghị

1. Về chính sách liên quan đến đầu tư:

Các cơ quan chức năng Trung ương có hướng dẫn cụ thể một số nội dung về Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, thu hút đầu tư trong thời gian tới.

2.Về hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài:

Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài là một trong các khu kinh tế được ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách trung ương để đầu tư kết cấu hạ tầng, kiến nghị Trung ương tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng cho Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 nhằm mục đích xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế cửa khẩu. Cụ thể, kiến nghị TW cấp ngân sách hỗ trợ mục tiêu cho Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài giai đoạn 2021 – 2025 với tổng mức đầu tư khoảng 850 tỷ đồng để xây dựng các công trình giao thông trục chính của Khu kinh tế.

UBND tỉnh Tây Ninh kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- LĐVP, P.KTTC;
- Lưu: VT VP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



TỔNG HỢP CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên chức năng, nhiệm vụ	Cơ quan phân cấp, ủy quyền	Văn bản QPPL về phân cấp ủy quyền	Ghi chú
I	**Những chức năng, nhiệm vụ đã được phân cấp ủy quyền**			
1	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý đầu tư			
1.1	Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ; giãn tiến độ thực hiện dự án, tạm ngưng hoạt động, hiệu đính thông tin giấy CNĐKĐT		Luật Đầu tư 2014, Nghị định 118/2015/NĐ-CP	
2	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý môi trường			
2.1	giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trong KCN, KKT	UBND huyện: Trảng Bàng, Gò Dầu, Dương Minh Châu, Tân Biên, Bến Cầu	khoản 1 điều 11 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	
3	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý QHXD			
3.1	Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư nhóm B, C thuộc diện phải thẩm định trong KCN, KCX, KKTCK.	UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 Ban hành phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	
3.2	Thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với dự án thuộc diện phải thẩm định trong KCN, KCX, KKTCK được UBND tỉnh quy định phân cấp.	UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 Ban hành phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	
3.3	Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong KCN, KCX, KKTCK phải có Giấy phép xây dựng theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy Ban nhân dân tỉnh.	UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số: 14/2016/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;	
4	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý lao động			

4.1	Tiếp nhận thoả ước lao động, đăng ký nội quy lao động, nhu cầu sử dụng lao động;	UNBD tỉnh,	được ủy quyền giải quyết các thủ tục về lao động theo Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 1/12/2014 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội	
4.2	Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép lao động, thủ tục đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu công nghiệp hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thụ tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày	Sở Lao động TB & XH		
4.3	tiếp nhận hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế.	UBND các huyện		
5	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý đất đai và bất động sản			
6	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý thương mại			
6.1	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi khu vực Asean (C/O mẫu D)	Bộ Công thương	Thông tư 21/2010/TT-BCT	
6.2	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định pháp luật về thương mại		Nghị định 82/20118/NĐ-CP	
7	Nhóm chức năng, nhiệm vụ khác			
II	**Những chức năng, nhiệm vụ chưa được phân cấp ủy quyền**			
1	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý đầu tư			
2	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý môi trường			
	Ủy quyền phê duyệt ĐTM, xác nhận KHBVMT thuộc thẩm quyền của Sở TNMT	UBND tỉnh, Sở TNMT	Điểm đ khoản 3 Điều 63 Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, trong đó quy định nhiệm vụ của Ban Quản lý khu kinh tế	
3	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý QHXD			
4	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý lao động			
5	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý đất đai và bất động sản			
6	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý thương mại			
7	Nhóm chức năng, nhiệm vụ khác			
4	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý lao động	...	...	...

5	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý đất đai và bất động sản			
6	Nhóm chức năng, nhiệm vụ về quản lý thương mại			
7	Nhóm chức năng, nhiệm vụ khác			

TỔNG HỢP ĐÓNG GÓP CỦA KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Các chỉ tiêu	Năm							
		Đơn vị	2005	2010	2015	2016	2017	2018	Tháng 6/2019
1	**Giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN)**								
	GTSXCN của doanh nghiệp trong KKT ven biển	Tỷ đồng	...	...	...	...	...	...	...
	GTSXCN của doanh nghiệp trong KKT,KCN	Tỷ đồng	...	8,040	25,441	32,469	41,341	50,662	27,903
	Tổng GTSXCN của địa phương	Tỷ đồng	10,379	23,080	48,645	56,538	66,126	77,310	41,381
2	**Kim ngạch xuất khẩu (KNXK)**								
	KNXK của doanh nghiệp trong KKT ven biển	triệu USD	...	...	...	...	...	...	...
	KNXKcủa doanh nghiệp trong KKT cửa khẩu	triệu USD	0.00	2.38	167.43	189.86	209.55	243.71	263.69
	KNXK của doanh nghiệp trong KCN	triệu USD	38.46	345.26	1,556.97	1,985.72	2,475.17	3,182.07	1,774.78
	Tổng KNXK của địa phương	triệu USD	130.71	765.25	2,296.13	2,817.13	3,312.67	4,109.76	2,230.59
3	**Kim ngạch nhập khẩu (KNNK)**								
	KNNK của doanh nghiệp trong KKT ven biển	triệu USD	...	...	...	...	...	...	...
	KNXKcủa doanh nghiệp trong KKT cửa khẩu	triệu USD	0.00	2.02	103.56	99.36	110.99	185.34	137.62
	KNNK của doanh nghiệp trong KCN	triệu USD	45.47	244.15	1,284.92	1,388.20	2,013.75	2,559.82	1,681.54
	Tổng KNNK của địa phương	triệu USD	108.07	535.75	1,906.72	1,963.25	2,599.77	3,156.66	2,074.75
4	**Lao động đã qua đào tạo**								
	Số lao động đã qua đào tạo trong KKT ven biển	Người	...	...	...	...	...	...	...
	Số lao động đã qua đào tạo trong KKT cửa khẩu	Người	...	...	14,856	15,157	14,181	16,795	16,176
	Số lao động đã qua đào tạo trong KCN	Người	...	...	68,949	70,924	75,929	80,863	83,025
	Tổng số lao động đã qua đào tạo của địa phương	Người	...	...	...	400,535	418,752	445,109	460,957

5	**Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước (NSNN DO CƠ QUAN THUẾ THU)**								
	Thu NSNN trong KKT ven biển	Tỷ đồng							
	Thu NSNN trong KKT cửa khẩu	Tỷ đồng	0	3	18	22	69	42	24
	Thu NSNN trong KCN	Tỷ đồng	1	122	482	532	548	455	397
	Tổng thu NSNN của địa phương	Tỷ đồng	0	2,064	3,737	4,821	6,170	6,808	4,090
6	**Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước (NSNN DO CƠ QUAN HẢI QUAN THU)**								
	Thu NSNN trong KKT ven biển	Tỷ đồng							
	Thu NSNN trong KKT cửa khẩu	Tỷ đồng	0.00	0.00	22.23	29.80	22.08	9.19	144.00
	Thu NSNN trong KCN	Tỷ đồng	21.00	67.00	559.00	304.00	446.00	391.00	270.00
	Tổng thu NSNN của địa phương	Tỷ đồng	143.20	201.90	1,210.14	937.65	764.76	857.67	1,044.39

HỆ THỐNG CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tỉnh/thành phố	Tên Ban Quản lý	Cơ cấu tổ chức													Tổng số CB thực tế	Xếp hạng	Ghi chú
			Lãnh đạo Ban	Văn phòng và các phòng chuyên môn (số cán bộ)								Đơn vị trực thuộc			Tổng số biên chế			
				Văn phòng	Kế hoạch tổng hợp	Quản lý Đầu tư	Quản lý DN	Quản lý TNMT	Quản lý QHXD	VP Đại diện BQL tại các KCN	Phòng Ban khác	Công ty hạ tầng	Trung tâm dịch vụ					
													Hỗ trợ đầu tư	Hỗ trợ việc làm				
1	Tây Ninh	Ban Quản lý Khu kinh tế	4	10	0	7	0	7	7	0	7	0	0	0	42	42	I	

Ghi chú: đề nghị ghi số cán bộ công chức làm việc tại Văn phòng và các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc: ghi rõ tên các phòng ban khác.

TỔNG HỢP CÁC HỖ TRỢ VÀ ƯU ĐÃI CHO KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên cá loại hỗ trợ và ưu đãi	Đơn vị	Mức hỗ trợ và ưu đã đã thực hiện					
			Giai đoạn 2014-2015	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Từ T1-T6/2019
I	**Các chính sách ưu đãi chung**							
1	**Các ưu đãi về thuế, đất đai**							
1.1	**Ưu đãi về thuế TNDN**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng	...	...	...	...	...	...
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng	...	...	...	...	...	...
	KCN	Tỷ đồng	...	...	...	...	...	...
1.2	**Ưu đãi về đất đai (miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng						**163**
	KCN	Tỷ đồng						
1.3	**Ưu đãi về thuế XNK**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng	...	...	8.34	32.98	38.25	47.66
	KCN	Tỷ đồng	1.5	7.15	0.98	1	5.76	0.86
1.4	**Các ưu đãi khác (thuế VAT, thuế TTĐB...)**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng	...	...	...	...	...	...
	KCN	Tỷ đồng	...	...	...	...	...	...
2	**Hỗ trợ TTHC**							
	KKT ven biển							
	KKT cửa khẩu							
	KCN							
II	**Các hỗ trợ từ NS địa phương**							
1	**Kinh phí hỗ trợ đền bù GPMB**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng						
	KCN	Tỷ đồng						
2	**Kinh phí đầu tư XD CSHT ngoài hàng rào KKT, KCN**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng						
	KCN	Tỷ đồng						

3	**Kinh phí hỗ trợ đào tạo lao động**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng						
	KCN	Tỷ đồng						
4	**Các hỗ trợ của địa phươngcđối với các dự án trong**	**Tỷ đồng**						
	KKT ven biển	Tỷ đồng						
	KKT cửa khẩu	Tỷ đồng						
	KCN							

Ghi chú: đề nghị ghi rõ tổng giá trị các hỗ trợ và ưu đãi về thuế, đất đai mà địa phương đã miễn giảm theo quy định và bố trí kinh phí hỗ trợ KKt, KCN theo từng năm

THỐNG KÊ VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ CỦA KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2010	2015	2016	2017	2018	T6/2019
1	Số lượng dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao								
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT ven biển	Dự án							
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT cửa khẩu	Dự án							
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KCN	Dự án							
2	Số lượng dự án đầu tư có vốn FDI trên 100 triệu USD								
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT ven biển	Dự án							
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT cửa khẩu	Dự án			1	1	1	1	1
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KCN	Dự án			7	8	10	11	13
3	Số lượng dự án đầu tư có vốn đầu tư trong nước trên 1000 tỷ đồng								
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT ven biển	Dự án							
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT cửa khẩu	Dự án			1	2	2	3	3
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KCN	Dự án			1	1	1	1	1
4	Số lượng dự án đầu tư chuyển giao công nghệ								
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT ven biển	Dự án							
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KKT cửa khẩu	Dự án							
	Lũy kế số lượng dự án đầu tư trong KCN	Dự án							

THỐNG KÊ VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KKT, KCN

STT	Tên chỉ tiêu	Năm						
		Đơn vị	2010	2015	2016	2017	2018	T6/2019
1	**Số cuộc kiểm tra, thanh tra về môi trường trong KKT, KCN**	**cuộc**	**...**	**56**	**55**	**62**	**60**	**138**
	KKT ven biển	cuộc	...	...	...	...	...	...
	KKT cửa khẩu	cuộc	...	3	4	26	2	6
	KCN	cuộc	...	53	51	36	58	132
2	**Số vi phạm về pháp luật về môi trường được phát hiện và xử lý theo quy định**	**vụ**	**...**	**0**	**0**	**0**	**4**	**2**
	KKT ven biển	vụ	...	...	...	...	...	...
	KKT cửa khẩu	vụ	...	0	0	0	0	0
	KCN	vụ	...	0	0	0	4	2
3	**Tỷ lệ KCN đã đi vào hoạt động có nhà máy XLNT tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường**	**%**	**90**	**100**	**100**	**100**	**200**	**200**
	KCN trong KKT ven biển	%	...	...	...	...	...	...
	KCN trong KKT cửa khẩu	%	0	0	0	0	100	100
	KCN ngoài KKT ven biển, KKT cửa khẩu	%	90	100	100	100	100	100